

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08-02-2021

V/v không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thu Hồng.
2. Bà Lê Thị Kiều Chinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn D, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông D bắt đầu chung sống từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; ông D thường xuyên xúc phạm, hành hung và đuổi bà ra khỏi nhà. Bà đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông D vẫn không thay đổi. Trước đây, bà cố gắng chịu đựng sống chung vì con còn nhỏ. Từ tháng 12/2020, bà và ông D đã sống ly thân đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông D là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Trúc P, sinh ngày 18/01/1994 và Phạm Phương T, sinh ngày 14/6/2000 đều đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Thống nhất ông và bà N chung sống từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 12/2020, bà N bỏ nhà đi và sống ly thân với ông đến nay. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà N và ông là vợ chồng thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Trúc P, sinh ngày 18/01/1994 và Phạm Phương T, sinh ngày 14/6/2000 đều đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông D là vợ chồng nên đây là tranh chấp “Không công nhận là vợ chồng” được quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông D là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã L, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993. Ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông D là phù hợp với khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông D có 02 con chung tên Phạm Trúc P và Phạm Phương T đều đã trưởng thành, lao động được. Bà N, ông D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn D.

**2.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017061 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên bà N đã nộp xong án phí.

Ông Phạm Văn D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn D được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thanh Phú**

